TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN DẦU TIẾNG** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 26 - 6 - 2023
V/v ly hôn; tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hoàng.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hồ Đắc Minh

2. Ông Trương Hữu Bình

- Thư ký phiên toà: Bà Đinh Thị Khuyến – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Yến- Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 76/2023/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 3 năm 2023 về việc "ly hôn; tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 5 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 14/2023/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lê Thanh M, sinh năm 1975; ngụ tại: Ấp C, xã T, huyện D, tỉnh Bình Dương.

- *Bị đơn:* Ông Trần Văn O, sinh năm 1971; ngụ tại: Ấp C, xã T, huyện D, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn có mặt. Bị đơn vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, biên bản không tiến hành hòa giải được và tại phiên tòa nguyên đơn (bà M) trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà M và ông O chung sống với nhau từ năm 1995, hôn nhân tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện D, tỉnh Bình Dương ngày 07/7/2004 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 154, quyển số 01/2004.

Quá trình chung sống, vợ chồng sống chung không hợp, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống, ông O thường xuyên cơ bạc đỏ

đen gây nợ nần, không có sự quan tâm chăm sóc vợ conn, cũng không cùng nhau làm việc để tạo dựng kinh tế mà chỉ lo cờ bạc và chơi đề, không chung thủy, ngoại tình với người phụ nữ khác, thỉnh thoảng về nhà lại chửi bới, gây gổ với vợ conn, đời sống vợ chồng quá mệt mỏi, không có hạnh phúc nên không cón sống chung từ năm 2021 đến nay. Tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được nữa nên nguyên đơn quyết định làm đơn xin ly hôn với bị đơn.

Về con chung: Bà M yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Trần Thị Thanh T và không yêu cầu ông O cấp dưỡng nuôi con. Đối với con chung tên Trần Văn S đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, nguyên đơn không có yêu cầu, tranh chấp gì khác.

Đối với bị đơn:

Trong quá trình thụ lý, thu thập chứng cứ để giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng và các tài liệu, chứng cứ theo quy định pháp luật để báo cho bị đơn biết để thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do.

- *Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát phát biểu quan điểm:*

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự tại các Điều 26, 35, 39 về thẩm quyền thụ lý vụ án; Điều 68 về xác định tư cách tham gia tố tụng; các Điều 93 đến 97 về việc xác minh, thu thập chứng cứ, giao nhận chứng cứ; Điều 195, 196 về trình tự thụ lý, giao nhận thông báo thụ lý; Điều 203 về thời hạn chuẩn bị xét xử. Nguyên đơn đã tuân thủ đúng quy định tại Điều 70 và 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ quy định tại Điều 70 và 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Các tài liệu, chứng cứ được Hội đồng xét xử làm rõ tại phiên tòa cho thấy: Tình trạng hôn nhân của nguyên đơn và bị đơn đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn, tranh chấp về nuôi con là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 1

Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có hộ khẩu thường trú tại xã T, huyện D, tỉnh Bình Dương, theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

Do bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b Khoản 2 Điều 227 và Khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn và bị đơn tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1995, hôn nhân tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện D, tỉnh Bình Dương ngày 07/7/2004 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 154, quyển số 01/2004. Như vậy, quan hệ hôn nhân của nguyên đơn và bị đơn là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9, 11, 12 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000.

Xét thấy, quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Toà án đã triệu tập các bên đương sự để hòa giải hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng bị đơn không chấp hành giấy triệu tập của Tòa án nên vụ án không tiến hành hòa giải được. Điều này cho thấy bị đơn không có thiện chí hòa giải đoàn tụ, hàn gắn tình cảm vợ chồng với nguyên đơn, nguyên đơn cũng kiên quyết xin ly hôn. Nguyên đơn trình bày đã hai lần nộp đơn xin ly hôn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng giải quyết nhưng hai lần nguyên đơn đều rút đơn nên Tòa án ra Quyết định đình chỉ số 73/2019/QĐST-HNGĐ ngày 10/9/2019 và Quyết định đình chỉ số 23/2019/QĐST-HNGĐ ngày 01/4/2020 cho bị đơn cơ hội để thay đổi, hàn gắn tình cảm nhưng bị đơn vẫn không thay đổi. Tại biên bản lấy lời khai ngày 12/4/2023, bị đơn trình bày nguyên đơn và bị đơn không còn sống chung khoảng 02 năm nay, nguyên đơn xin ly hôn thì Tòa án cứ giải quyết theo yêu cầu của nguyên đơn, bị đơn không có ý kiến. Tại Biên bản xác minh ngày 16/3/2023, lãnh đạo chính quyền địa phương cũng xác nhận nguyên đơn và bị đơn không còn sống chung khoảng 02 năm nay.

Từ những căn cứ trên cho thấy mâu thuẫn giữa nguyên đơn và bị đơn đã trở nên trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn là phù hợp với quy định tại Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, do vậy được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Nguyên đơn và bị đơn có 02 con chung tên Trần Văn S, sinh năm 1996 và Trần Thị Thanh T, sinh ngày 08/12/2012. Nguyên đơn yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Trần Thị Thanh T, không yêu cầu ông O cấp dưỡng nuôi con. Đối với con chung tên Trần Văn S đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bản tự khai ngày 05/6/2023, con chung tên Trần Thị Thanh T có nguyện vọng được sống với mẹ là nguyên đơn, mong muốn được nguyên đơn trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Bị đơn không lên Tòa án làm việc nên không ghi nhận được ý kiến của bị đơn về con chung, nguyên đơn có yêu cầu được trực

tiếp nuôi dưỡng con chung. Vì vậy cần tiếp tục giao hai con chung tên Trần Thị Thanh T cho nguyên đơn trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng để đảm bảo cho sự phát triển về thể chất cũng như tinh thần của con chung. Yêu cầu của nguyên đơn về con chung là phù hợp với quy định tại Điều 69, 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, do vậy được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Nguyên đơn không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi con chung. Xét đây là ý chí tự nguyện của nguyên đơn nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[3] Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

[4] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng là phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các Điều 28, 39, 147, 179, 227, 228, 235, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các Điều 9, 11, 12 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000;

- Các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điều 17 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện về việc "ly hôn; tranh chấp nuôi con" của bà Lê Thanh M.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thanh M được ly hôn với ông Trần Văn O.

2. Về con chung: Giao con chung tên Trần Thị Thanh T, sinh ngày 08/12/2012 cho bà Lê Thanh M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Đối với con chung tên Trần Văn S đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Lê Thanh M về việc không yêu cầu ông Trần Văn O cấp dưỡng nuôi con chung.

Hai bên được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định của pháp luật. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con, Tòa

án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng nuôi con khi có đơn yêu cầu.

3. Về tài sản chung: Không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí:

Bà Lê Thanh M phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2021/0011465 ngày 27 tháng 02 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 26/6/2023). Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tống đạt, niêm yết theo quy định của pháp luật./.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Dầu Tiếng;
- CC THADS huyện Dầu Tiếng;
- UBND xã T, huyện D, tỉnh Bình Dương;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hoàng